

Số: 159/TB-DWC

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc áp dụng hợp đồng dịch vụ cấp nước

Kính gửi: Quý khách hàng sử dụng nước.

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 ngày 20/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Căn cứ Thông báo số 50/TB-SCT ngày 04/6/2026 của Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk về việc hoàn thành đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

Hợp đồng dịch vụ cấp nước thuộc hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các bên và thực hiện đúng theo quy định. Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk thông báo đến Quý khách hàng về việc áp dụng Hợp đồng Dịch vụ cấp nước theo Thông báo số 50/TB-SCT ngày 04/6/2026 của Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: Toàn bộ khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước sinh hoạt của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

- Thời gian áp dụng: Từ ngày 01/7/2026.

- Mẫu hợp đồng dịch vụ cấp nước sinh hoạt được niêm yết công khai tại các quầy giao dịch khách hàng, Văn phòng các chi nhánh thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

- Địa chỉ truy cập Hợp đồng dịch vụ cấp nước theo mẫu đã đăng ký: <https://www.dakwaco.com.vn>

(Đính kèm mẫu hợp đồng dịch vụ cấp nước)

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận: 

- HĐQT, BKS (b/cáo);
- Đăng trên website Công ty;
- Lưu: VT.



Hoàng Thị Thu Hà

Số: 50 /TB-SCT

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc hoàn thành đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 ngày 20/6/2023; Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 15/6/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ người tiêu dùng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

Sau khi xem xét hồ sơ mã số H15.03-260515-0200003 tiếp nhận ngày 15/5/2026 về việc đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk (gọi tắt là Công ty) trong lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt, Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk thông báo:

1. Công ty đã hoàn thành trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo hồ sơ mã số H15.03-260515-0200003 nêu trên theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Công ty chịu trách nhiệm tuân thủ theo mẫu đã hoàn thành trách nhiệm đăng ký; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định của pháp luật có liên quan khi bổ sung các nội dung để trống.

3. Công ty được sử dụng các mẫu theo hồ sơ nêu trên để giao dịch với người tiêu dùng kể từ thời điểm hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp thay đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, đề nghị Công ty thực hiện thủ tục đăng ký lại theo đúng quy định.

4. Việc hoàn thành trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo Thông báo này chỉ có giá trị đối với bản tiếng Việt đã nộp trong hồ sơ đăng ký và không loại trừ trách nhiệm của Công ty theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

5. Thông báo này không có ý nghĩa chứng nhận hay đảm bảo Hợp đồng theo mẫu của Công ty tuân thủ toàn bộ quy định của pháp luật. Bất cứ khi nào phát hiện thấy nội dung của Hợp đồng theo mẫu vi phạm pháp luật về Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Sở Công Thương có quyền yêu cầu Công ty phải sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm đó.

6. Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, Công ty có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình đăng ký và áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tới Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.

Sở Công Thương thông báo để Công ty biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, QLTM (Linh).



Nguyễn Hải Triều



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ CẤP NƯỚC**
Số HĐ:

Bên mua:

Địa chỉ sử dụng dịch vụ:

.....

MÃ KHÁCH HÀNG

□	□	□	□	□	□	□	□
---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: 339 Tôn Đức Thắng, P.Tân An, tỉnh Đắk Lắk



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
Số HĐ:

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số: 19/2023/QH15, ngày 20/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định giá bán nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Căn cứ nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng và năng lực cung cấp của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

Hôm nay, ngày..... tháng ... năm, tại văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

Chúng tôi gồm:

I. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (Gọi tắt là Bên A)

Tên đơn vị cấp nước: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Điện thoại: 0262 3852619; Hotline: 0843 766 766

Đại diện:..... Chức vụ:.....

(Theo giấy uỷ quyền số...../.....ngày.....tháng.....năm..... của)

Địa chỉ: 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk.

Tài khoản: tại Ngân hàng:.....

Mã số thuế: **6000 175 995**

II. KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC (Gọi tắt là Bên B)

Chủ hộ (hoặc tên cơ quan).....

Hoặc người được uỷ quyền.....

(Theo giấy uỷ quyền số...../.....ngày.....tháng.....năm..... của)

Số CCCD.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Nơi thường trú (Trụ sở cơ quan).....

Địa chỉ mua nước.....

Tài khoản.....Tại.....

Mã số thuế..... Điện thoại.....

Hai Bên cùng nhau thoả thuận ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng của Hợp đồng:

Bên A đồng ý bán, Bên B đồng ý mua nước sạch sử dụng vào mục đích nước sinh hoạt, đảm bảo điều kiện chất lượng dịch vụ tại Điều 2 Hợp đồng này, phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng cung cấp của hệ thống cấp nước hiện hữu.

Điều 2. Điều kiện chất lượng dịch vụ:

- Chất lượng nước đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế.
- Áp lực, lưu lượng, tính liên tục của dịch vụ phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Đồng hồ đo nước phù hợp với tiêu chuẩn đo lường Việt Nam.

Điều 3. Giá nước sạch:

Giá nước sạch áp dụng theo quy định hiện hành của UBND tỉnh Đắk Lắk tại kỳ phát hành hoá đơn hàng tháng. Trường hợp UBND tỉnh có quyết định điều chỉnh giá nước sạch, thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết qua phương tiện thông tin đại chúng, tin nhắn qua điện thoại hoặc các hình thức khác và được điều chỉnh giá nước mới tại kỳ phát hành hoá đơn trong tháng; khi giá nước mới được áp dụng các bên không phải ký lại hợp đồng.

Điều 4. Phương thức thanh toán:

1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán theo sản lượng nước được ghi nhận trên đồng hồ đo nước và tiền thuê bao đồng hồ (nếu có) cho Bên A mỗi tháng một lần, bằng chuyển khoản, các hình thức thanh toán online khác mà Công ty áp dụng hoặc bằng tiền mặt tại Văn phòng Công ty, Văn phòng các Chi nhánh trực thuộc Công ty.

2. Kỳ ghi hóa đơn: Là khoảng thời gian giữa hai lần ghi chỉ số đồng hồ nước tiêu thụ, nhưng không vượt quá 31 ngày (trừ trường hợp Bên A thay đổi lịch ghi do trùng vào dịp lễ, tết,...).

3. Thời hạn thanh toán: Không quá 7 ngày kể từ ngày Bên A chốt chỉ số đồng hồ nước và Bên B nhận thông báo tiền nước từ tin nhắn qua điện thoại hoặc ứng dụng liên lạc khác. Ngoài ra, Bên B có thể chủ động tra cứu tiền nước tại trang web: **Dakwaco.com.vn** hoặc gọi điện đến tổng đài CSKH số **0843.766.766** để biết thông tin thanh toán.

Trước khi hết thời hạn thanh toán tiền nước theo hợp đồng, đơn vị cấp nước có thể chấp thuận cho khách hàng được lùi ngày trả tiền nước mà vẫn cấp nước nếu khách hàng có đề nghị chậm thanh toán bằng văn bản và có lý do chính đáng.

4. Trường hợp đồng hồ nước hỏng, không xác định được khối lượng nước tiêu thụ, thì được tính bằng mức bình quân khối lượng nước tiêu thụ của 03 (ba) tháng liền kề trước đó.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

5.1. Quyền của Bên A

a. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ từ đường ống chính đến cụm đồng hồ đo nước và việc sử dụng nước đúng mục đích của khách hàng theo hợp đồng đã ký kết.

b. Tạm ngừng cấp nước:

- Khi khách hàng sử dụng nước có yêu cầu bằng văn bản vì các lý do hợp lý như tạm vắng, tạm dừng sản xuất, kinh doanh trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt hợp đồng.

- Xét thấy hệ thống nước của Bên B không bảo đảm an toàn có thể gây ra thất thoát hoặc lãng phí nước mà Bên B không khắc phục kịp thời.

- Không phối hợp cho Bên A ghi chỉ số đồng hồ nước hàng tháng theo thời gian quy định.

- Do xảy ra sự cố đột xuất đối với hệ thống cấp nước: Trong trường hợp này, Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng các phương thức thông tin phù hợp hoặc bằng các phương tiện truyền thông công cộng sau khi xảy ra sự cố đột xuất.

- Bên B thay đổi mục đích sử dụng nước mà không đăng ký với Bên A và đã được Bên A thông báo để điều chỉnh Phụ lục hợp đồng, trong vòng 7 ngày nếu Bên B không chấp hành, thì Bên A có

quyền đơn phương tạm ngừng cung cấp nước để hai bên thoả thuận việc điều chỉnh mục đích sử dụng nước.

- Do xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

c. Ngừng cấp nước:

- Không thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại “khoản 3, điều 4 hợp đồng này” (việc ngừng cấp nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính Phủ; Trường hợp Chính phủ điều chỉnh, thay thế Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007, thì Bên A sẽ áp dụng theo quy định mới của Nhà nước).

- Khách hàng không phát sinh m³ nước liên tục trong 03 tháng, mà không thông báo tạm ngừng cho Bên A.

- Khách hàng thuộc nhóm đối tượng: Nhà hàng, khách sạn, kinh doanh ăn uống, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, bếp ăn tập trung, chế biến thực phẩm,... có sử dụng nguồn nước giếng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chỉ sử dụng nguồn nước máy của Công ty để đối phó với cơ quan chức năng khi kiểm tra hoặc để làm căn cứ đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Bên A sẽ thông báo Cơ quan quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm biết và Bên A ngừng cấp nước.

d. Cung cấp dịch vụ cấp nước trở lại được thực hiện: Khi Bên B thực hiện thủ tục mở nước lại theo quy định và thanh toán đầy đủ tiền nước, tiền lãi của khoản tiền chậm trả và các khoản chi phí phục vụ cúp mở nước; chi phí vật tư,... (nếu có), Bên A sẽ tiến hành mở lại nước cho Bên B sau ngày làm việc kế tiếp.

đ. Được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của hợp đồng này.

e. Các quyền khác theo quy định pháp luật

5. 2. Nghĩa vụ của Bên A

a. Cung cấp đảm bảo khối lượng, áp lực, chất lượng nước tại địa điểm lắp đặt đồng hồ và phù hợp với hạ tầng cấp nước hiện có (trừ trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc lý do bất khả kháng).

b. Thực hiện ghi đúng chỉ số đồng hồ nước theo định kỳ và thông báo cho Bên B.

c. Trường hợp cần sửa chữa, bảo trì hoặc vì lý do khác bắt buộc phải ngừng cung cấp dịch vụ, mà dự kiến thời gian ngừng cấp nước trên 24 giờ thì phải thông báo cho Bên B biết qua phương tiện thông tin đại chúng/tin nhắn hoặc các hình thức khác về thời gian ngừng cung cấp dịch vụ và thời gian cung cấp lại dịch vụ, chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày ngừng cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp bất khả kháng.

d. Giải quyết kịp thời, nhanh chóng yêu cầu chính đáng và hợp pháp của Bên B theo quy định của Hợp đồng này. Khi thay đồng hồ nước, phải thông báo cho Bên B biết và ký xác nhận của đại diện hai bên.

đ. Bồi thường thiệt hại cho Bên B:

- Do việc ghi tăng khối lượng sử dụng thực tế, thu thừa tiền nước theo quy định, Bên A có nghĩa vụ hoàn trả cho Bên B khoản tiền thu thừa bao gồm cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa nếu thời điểm hoàn trả sau một tháng so với thời điểm đã thu thừa tiền nước. Lãi suất của số tiền thu thừa được tính với mức lãi suất của Ngân hàng, nhưng không vượt quá lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

- Chất lượng dịch vụ cấp nước của Bên A không đúng với các điều khoản trong Hợp đồng dịch vụ cấp nước, thì Bên A phải bồi thường thiệt hại cho Bên B theo trị giá tương ứng mà Bên B bị thiệt hại.

- Trường hợp các Bên không thống nhất được phương án giải quyết, một trong các Bên có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

e. Trách nhiệm bảo vệ thông tin của người tiêu dùng:

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của người tiêu dùng khi thu thập, lưu trữ, sử dụng và có biện pháp ngăn ngừa các hành vi như: Đánh cắp hoặc tiếp cận thông tin trái phép; Sử dụng thông tin trái phép; Chính sửa, cập nhật, hủy bỏ thông tin trái phép.

- Có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến việc thông tin bị thu thập trái phép, sử dụng sai mục đích.

- Trong trường hợp hệ thống thông tin bị tấn công làm phát sinh nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin của người tiêu dùng, Bên A phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện hệ thống thông tin bị tấn công và thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của người tiêu dùng theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, giao dịch điện tử và quy định khác của pháp luật có liên quan.

g. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

6.1. Quyền của Bên B

a. Có quyền yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ, kịp thời về khối lượng, chất lượng nước theo thỏa thuận tại hợp đồng này (trừ trường hợp gặp sự cố kỹ thuật như vỡ ống hoặc lý do khách quan; bất khả kháng).

b. Khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước xem xét lại số tiền nước phải thanh toán. Khi nhận được yêu cầu của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 15 ngày làm việc. Trường hợp không đồng ý với cách giải quyết của đơn vị cấp nước, khách hàng sử dụng nước có thể đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức việc hòa giải. Trong trường hợp không đề nghị hòa giải hoặc hòa giải không thành, khách hàng sử dụng nước có quyền khởi kiện tại tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trong thời gian chờ giải quyết, khách hàng sử dụng nước vẫn phải thanh toán tiền nước và đơn vị cấp nước không được ngừng dịch vụ cấp nước.

c. Yêu cầu đơn vị cấp nước kịp thời khôi phục việc cấp nước khi có sự cố.

d. Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động cấp nước.

đ. Được bồi thường thiệt hại do đơn vị cấp nước gây ra theo quy định của pháp luật.

e. Khi có nghi ngờ thiết bị đo đếm, khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra tính chính xác của thiết bị đo đếm. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước phải kiểm tra và hoàn thành việc sửa chữa hoặc thay thế thiết bị đo đếm nước. Trường hợp không đồng ý với kết quả kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế của đơn vị cấp nước, khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương tổ chức kiểm định độc lập. Chi phí cho việc kiểm định thiết bị đo đếm nước được thực hiện như sau:

- Trường hợp phương tiện đo đếm nước đạt theo đúng Tiêu chuẩn đo lường Việt Nam thì khách hàng sử dụng nước phải trả phí kiểm định.

- Trường hợp phương tiện đo đếm nước không đạt Tiêu chuẩn đo lường Việt Nam thì đơn vị cấp nước phải trả phí kiểm định.

- Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định mức sai số của phương tiện đo nước vượt quá mức cho phép (đồng hồ chạy nhanh) thì đơn vị cấp nước căn cứ vào tỷ lệ này để tính toán, hoàn trả khoản tiền thừa cho khách hàng sử dụng nước và ngược lại nếu phương tiện đo chạy chậm hơn so với mức sai số cho phép, thì khách hàng phải chi trả khoản tiền thu thiếu cho đơn vị cấp nước.

g. Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước của Bên A hoặc các bên có liên quan.

h. Các quyền khác theo quy định pháp luật

6.2. Nghĩa vụ của Bên B

a. Thanh toán tiền hàng tháng đầy đủ và đúng thời hạn, nếu Bên B không thanh toán theo thời hạn quy định tại khoản 3, Điều 4 hợp đồng này, xem như vi phạm hợp đồng dịch vụ cấp nước.

b. Không được sử dụng nước mà không qua đồng hồ đo nước dưới bất cứ hình thức nào; không được sử dụng máy bơm hút nước trực tiếp từ hệ thống cấp nước của Bên A; không được đấu nối chung hệ thống cấp nước của Bên A với các hệ thống cấp nước khác; không được đấu nối nước với/

bán lại nước cho bên thứ ba bất kỳ; không gây trở ngại khi Bên A thực hiện quyền quản lý và khai thác trên hệ thống cấp nước của Bên A.

c. Bảo quản đồng hồ nước không để vỡ kính, đứt/biến dạng chì niêm phong; Không để chướng ngại vật hoặc xây dựng công trình đè lên đồng hồ nước; Không làm bất cứ hành động nào làm ảnh hưởng đến độ chính xác của đồng hồ.

d. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước.

đ. Thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

e. Khi Bên B làm hư hỏng tài sản của Bên A như: tự ý thay đổi vị trí, cỡ, loại đồng hồ đo nước, cố tình làm hư hỏng tài sản của Bên A, v.v... thì Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A theo giá trị tương ứng mà Bên A bị thiệt hại và hoàn trả lại đường ống, mặt bằng, đồng hồ như ban đầu.

g. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Sửa đổi hợp đồng

1. Trường hợp quy định pháp luật hoặc mẫu hợp đồng chung có thay đổi, điều chỉnh, thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết qua phương tiện thông tin đại chúng, các hình thức khác hoặc hai bên sẽ tiến hành ký lại hợp đồng mới thay thế hợp đồng cũ (Nếu các bên có nhu cầu) và Hợp đồng mới đương nhiên có hiệu lực.

2. Trường hợp đến thời gian áp dụng hợp đồng mới, khách hàng chưa thực hiện ký kết lại hợp đồng, Công ty sẽ gửi thông báo kèm nội dung hợp đồng trên website Công ty hoặc phương tiện thông tin đại chúng và xem như hợp đồng có hiệu lực được áp dụng đến khách hàng sử dụng nước.

3. Khi Bên B có nhu cầu thay đổi về số điện thoại liên lạc, tài khoản ngân hàng, mã số thuế, địa chỉ thường trú và các thông tin khác trên Hợp đồng.

4. Trường hợp Bên B thực hiện giao dịch bất động sản đối với căn nhà tại địa chỉ mua nước cho bên thứ ba bất kỳ dưới các hình thức như: Chuyển đổi, chuyên nhượng, thừa kế, cho, tặng,... hoặc bằng hình thức khác làm thay đổi khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước theo hợp đồng này, thì một trong các bên của giao dịch này có trách nhiệm gửi cho Bên A văn bản đề nghị thay đổi thông tin theo mẫu do Bên A ban hành tại từng thời điểm, kèm theo giấy tờ chứng minh việc thực hiện giao dịch này theo quy định pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chuyển giao “khách hàng sử dụng nước mới”.

Trên cơ sở đó, Bên A sẽ xem xét ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước mới với khách hàng sử dụng nước mới với điều kiện các khoản nợ quá hạn và đến hạn, bao gồm tiền nước, phí, chi phí, khoản tiền bồi thường, phạt vi phạm,... phát sinh liên quan đến hợp đồng này đã được thanh toán đầy đủ.

Nếu một trong các bên của giao dịch nêu trên không cung cấp hoặc chậm cung cấp Đề nghị thay đổi thông tin khách hàng sử dụng nước cho Bên A và/hoặc Khách hàng sử dụng nước mới chưa ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước mới với Bên A, Bên B và khách hàng sử dụng nước mới phải tự thỏa thuận hoặc cùng liên đới (độc lập, riêng biệt hoặc cùng) chịu trách nhiệm cho bất kỳ khoản nợ tồn đọng phát sinh cho đến khi các khoản này được thanh toán đầy đủ cho Bên A và việc tuân thủ các quy định về cung cấp, sử dụng dịch vụ cấp nước và bảo vệ công trình cấp nước hiện hành. Bên A không chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại (nếu có) phát sinh do Bên B và hoặc khách hàng sử dụng nước mới không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời đúng quy định đối với các nghĩa vụ, trách nhiệm tại Điều này.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Khi Bên B đề nghị bằng văn bản cho Bên A do Bên B không có nhu cầu sử dụng nước.

2. Bên A không còn điều kiện để cung cấp nước và sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B trước 30 ngày.

3. Bên B là cá nhân giao kết hợp đồng đã chết, bị tuyên bố là đã chết hoặc cơ quan, tổ chức giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà không có người khác hoặc cơ quan, tổ chức kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp phát sinh từ Hợp đồng này.

4. Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (đối với khu vực thuộc diện giải tỏa).

5. Hai bên thỏa thuận thanh lý.

6. Đơn phương chấm dứt hợp đồng: Khi Bên B không sử dụng nước quá 12 tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng:

1. Các trường hợp vi phạm hợp đồng của Bên B như:

a. Trường hợp Bên B có hành vi sử dụng nước trước đồng hồ (sử dụng nước bất hợp pháp), làm sai lệch, vô hiệu hóa đồng hồ đo nước, gỡ niêm phong đồng hồ, tự ý đấu nối trước đồng hồ đo nước. Căn cứ vào tình hình thực tế, Bên A sẽ thực hiện biện pháp ngăn chặn, truy thu lượng nước tương ứng và xử lý vi phạm bằng giá trị thiệt hại Bên B đã gây ra.

b. Thời hạn thanh toán tiền nước: Trường hợp Bên B vi phạm thì Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp nước và phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mức phạt bằng 8% trên tổng giá trị tiền nước Bên B chưa thanh toán.

2. Các trường hợp vi phạm hợp đồng của Bên A như: Không cung cấp đủ khối lượng (trừ trường hợp bất khả kháng như thiên tai,...), chất lượng nước thì phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mức phạt bằng 8% trên phần giá trị sản lượng Bên B sử dụng trong thời gian Bên A vi phạm.

3. Đối với những vi phạm khác ngoài những trường hợp trên mà thuộc phạm vi hợp đồng này sẽ được xem xét và thỏa thuận giải quyết theo quy định quy định pháp luật hiện hành. Nếu một trong hai bên vi phạm hợp đồng thì Bên Bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu bên kia chấm dứt các vi phạm và khắc phục hậu quả theo cam kết trong hợp đồng hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp xảy ra vi phạm, tranh chấp Hợp đồng mà các bên không tự thỏa thuận, giải quyết được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 10. Sự kiện bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng: là những sự kiện mang tính khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên và gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc cấp nước của Bên A và nhận nước của Bên B, bao gồm thiên tai, bão, động đất, sét, hỏa hoạn, hạn hán, lũ lụt, ô nhiễm nguồn nước hoặc các hiện tượng tự nhiên khác, chiến tranh, xung đột vũ trang, cấm vận, bạo động, nổi loạn, khủng bố hay phá hoại, dịch bệnh, bãi công, đình công, lãn công, giải phóng mặt bằng hay các hoạt động ngừng trệ công việc không phải do lỗi của một trong hai Bên gây ra, hoặc do bên thứ ba gây nên sự cố nước mà Bên A không thể lường trước được hoặc không thể kiểm soát được.

2. Bên A và Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc thực hiện, tuân thủ các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp đồng khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 11. Các thỏa thuận khác

1. Bên A chịu trách nhiệm quản lý và chi phí để bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nước từ đường ống đến van khóa trước đồng hồ nước của Bên B.

2. Bên B tự quản lý và chịu chi phí sửa chữa đường ống nước (bị rò rỉ, bể, vỡ... gây thất thoát nước) từ ngay sau đồng hồ nước trở vào.

3. Bên B quản lý hệ thống nước thường xuyên, liên tục để tránh những rủi ro gây thất thoát nước. Trường hợp Bên B không có nhu cầu sử dụng nước, Bên B phải báo cho Bên A để tạm ngừng cung cấp nước nhằm đảm bảo an toàn, tránh rủi ro chảy sau đồng hồ, gây thất thoát nước cho Bên B. Khi Bên B có nhu cầu sử dụng nước trở lại, Bên B yêu cầu mở nước thì Bên A sẽ thực hiện mở lại cho Bên B và Bên B chi trả các khoản chi phí phục vụ cúp mở nước; chi phí vật tư (nếu có).

4. Trong trường hợp Bên B sử dụng nước với nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có sử dụng cho mục đích sinh hoạt, căn cứ tình hình sử dụng nước thực tế, Bên A và Bên B sẽ thỏa thuận tỷ lệ nước sử dụng cho từng mục đích.

5. Thỏa thuận đấu nối cụm đồng hồ đo nước: Việc đầu tư lắp đặt đường ống (bao gồm cả đồng hồ) từ điểm đấu nối đến cụm đồng hồ nước cho khách hàng sử dụng, sẽ được Bên A và Bên B thỏa thuận để phù hợp tại từng thời điểm.

6. Khi Bên A lắp đồng hồ nước theo nhu cầu sử dụng của Bên B, qua thời gian sử dụng nước, xét thấy Bên B sử dụng nước với lưu lượng không phù hợp với lưu lượng đồng hồ Bên A đã lắp đặt, thì Bên A sẽ thực hiện giảm cỡ đồng hồ đo nước theo thực tế sử dụng. Và ngược lại, khi Bên B có nhu cầu sử dụng lưu lượng lớn hơn lưu lượng đồng hồ nước đang sử dụng, thì Bên B yêu cầu Bên A nâng cỡ đồng hồ nước để đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của Bên B.

- Trường hợp Bên B không thực hiện việc giảm cỡ đồng hồ đo nước theo đề nghị của Bên A, thì Bên A có quyền tạm ngừng cung cấp nước để hai bên thoả thuận việc điều chỉnh cỡ đồng hồ cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của Bên B.

7. Bên B sử dụng nguồn nước giếng, lắp đồng hồ nước sử dụng phát sinh một mét khối nước trên tháng ($1\text{m}^3/\text{tháng}$) để đối phó với cơ quan chức năng khi kiểm tra, thì Bên A sẽ ngừng cấp nước.

8. Trong trường hợp bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh,... không đến được nhà khách hàng đọc chỉ số, Bên A sẽ tạm tính chỉ số tiêu thụ tháng đó bằng bình quân 03 (ba) tháng liền kề trước đó. Trước khi thực hiện Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết trên phương tiện thông tin đại chúng/tin nhắn hoặc trang web của Công ty, trong trường hợp này việc sai lệch chỉ số sẽ được tính và bù trừ vào tháng tiếp theo khi chốt được chỉ số thực tế sử dụng.

9. Hai bên phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ, sử dụng mạng lưới cấp nước, bảo vệ các công trình kỹ thuật, thuộc hệ thống cấp nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Bên A lưu giữ hợp đồng đã ký kết cho đến khi hợp đồng hết hiệu lực. Trường hợp hợp đồng do Bên B giữ bị mất hoặc hư hỏng thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên B, Bên A có trách nhiệm cung cấp bản sao hợp đồng.

Điều 12. Điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ nước sạch.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho hợp đồng cũ đã ký trước đây (nếu có).

3. Hợp đồng này lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
(Kèm theo và là một phần không tách rời của hợp đồng dịch vụ cấp nước)

1. Thông tin về khách hàng sử dụng nước

Lần ĐK	Ngày đăng ký	Số hộ/đầu nối	Số người	Định mức	Mục đích sử dụng				Ký xác nhận	
					SH	HCSN	SXVC	KD	Bên A	Bên B

2. Thông tin về đầu nối

- Vị trí điểm đầu nối.....
- Đồng hồ đo nước D..... loại.....
- Seri..... được đặt tại.....
- Sơ đồ mặt bằng

3. Thông tin tiếp nhận phản ánh, khiếu nại:

- CN cấp nước Buôn Ma Thuột, Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.
ĐT: 0262.3853619.
- CN cấp nước Buôn Hồ, Số 156 Nguyễn Việt Xuân, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
ĐT: 0262.3872399.
- CN cấp nước Krông Pắc, Số 546, xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
ĐT: 0262.3521524.
- CN cấp nước Ea Kar, Hẻm 11 Lý Thường Kiệt, xã EaKar, tỉnh Đắk Lắk.
ĐT: 0824717788.
- CN cấp nước Cư M'gar, Số 03 Y Ngông, xã Quảng Phú, tỉnh Đắk Lắk.
ĐT: 0262.3534192.
- CN cấp nước Krông Năng, Số 02 Tuệ Tĩnh, Xã Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.
ĐT: 0262.3675557.
- CN cấp nước Ea Súp, Số 164 thôn 6, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk
ĐT: 0262.3688038.
- CN cấp nước Buôn Đôn, Thôn Ea Duát, Xã Ea Wer, tỉnh Đắk Lắk
ĐT: 02623.789151.
- Tổng đài chăm sóc khách hàng: 0843766766.

Ngày.....tháng.....năm.....

Người thực hiện
(Ký ghi rõ họ tên)



